

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 503/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Q1**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 tòa nhà S Số A P, phường B, Quận A (nay là phường S), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức danh: Tổng Giám đốc;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Lam D – Cán bộ Ngân hàng TMCP Q1.

- *Bị đơn:*

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ H Xóm Đ, phường P, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Nguyễn Thị Hồng N – sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa (giấy ủy quyền ngày 10/9/2025).

2. Ông **Đào Thanh T1**, sinh năm 1976; địa chỉ: Số D T, phường T, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn K – sinh năm 1966;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng N – sinh năm 1971;

3. Ông Nguyễn Dương Q – sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chậm nhất đến ngày 31/10/2025, ông Đào Thanh T1, bà Nguyễn Thị Hồng T phải trả cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền 1.650.000.000 đồng (*Một tỷ, sáu trăm năm mươi triệu đồng*), trong đó: Khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 6305271.21 ngày 17/12/2021 gồm: Tiền gốc của là: 1.497.800.000 đồng, tiền lãi là 13.043.852 đồng và Khoản vay của giấy đề nghị phát hành thẻ số 5130949400118824 ngày 27/12/2021 là: 139.156.148 đồng.

2.2. Trường hợp đến ngày 31/10/2025 ông T1, bà T thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Mục 2.1 thì Ngân hàng TMCP Q1 không yêu cầu ông T1, bà T trả bất kỳ khoản tiền lãi phát sinh nào.

2.3. Trường hợp đến ngày 31/10/2025 ông T1, bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Mục 2.1 thì phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 6305271.21 ngày 17/12/2021 và giấy đề nghị phát hành thẻ số 5130949400118824 ngày 27/12/2021; thời gian tính lãi kể từ ngày 15/6/2023 cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q1.

2.4. Trường hợp, ông T1, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Mục 2.1, thì Ngân hàng TMCP Q1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5972293.21.402 ngày 20/12/2021 để thu hồi các khoản nợ gốc, lãi tại các Mục 2.1 và 2.2.

2.5. Về chi phí tố tụng và án phí:

2.5.1. Bị đơn ông Đào Thanh T1, bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Ngân hàng TMCP Q1 đã tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Vì vậy, ông Đào Thanh T1, bà Nguyễn Thị Hồng T phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền này.

Quy định: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành, nếu bên phải thi hành không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.5.2. Ông Đào Thanh T1, bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 30.750.000 đồng (*Ba mươi triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

2.5.3. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền 33.255.000 đồng (*Ba mươi ba triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000487 ngày 14/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Khánh Hòa).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND Khu vực 1 - Khánh Hòa;*
- *THA dân sự tỉnh Khánh Hòa;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

THẨM PHÁN

Trần Thúy Oanh